

Số: /BC-UBND

Hồng Ngự, ngày tháng 11 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Kế hoạch triển khai Thỏa thuận toàn cầu về Di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc trên địa bàn huyện Hồng Ngự

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh tại Công văn số 2662/VPUBND-KT ngày 18/11/2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch triển khai Thỏa thuận toàn cầu về Di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc; căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự báo cáo kết quả như sau:

I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Tình hình chung

- Hồng Ngự là huyện biên giới giáp huyện Piềm Chô, tỉnh Prây Veng, Vương quốc Campuchia, đây là địa bàn phức tạp về tình hình di cư, xuất cảnh, nhập cảnh trái phép qua biên giới, do đó, trong những năm qua, Ủy ban nhân dân Huyện đã triển khai nhiều chương trình, kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm nhằm hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản lý nhà nước, quản lý di cư quốc tế, tạo môi trường di cư minh bạch, dễ tiếp cận, tôn trọng nhân phẩm của người di cư, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của họ, đặc biệt là nhóm đặc thù, phụ nữ và trẻ em. Vì vậy, công tác quản lý di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài và ngược lại trên địa bàn huyện có nhiều chuyển biến tích cực, đổi mới phục vụ hiệu quả cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, song vẫn còn nhiều bất cập, khó khăn trong công tác tiếp cận và giải quyết tình trạng di cư trái phép từ Campuchia về Việt Nam qua tuyến biên giới.

- Năm 2020, huyện Hồng Ngự có **68** lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (chủ yếu ở các nước Nhật Bản, Đài Loan và Ba Lan); có **71** lao động hết hạn hợp đồng làm việc ở nước ngoài trở về nước theo quy định; tuy nhiên, hiện có **05** lao động đã hết hạn hợp đồng nhưng vẫn tìm cách trốn ở lại cư trú, lao động bất hợp pháp ở nước ngoài; có **08** công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài. Ngoài ra, có **207** nhân khẩu là dân di cư tự do từ Campuchia về địa bàn huyện Hồng Ngự cư trú. Đa phần số dân di cư tự do từ Campuchia về sinh sống một thời gian ở địa phương rồi bỏ đi tìm việc làm ở nơi khác; một số khác quay trở lại Campuchia, chỉ còn một số người già và trẻ em ở lại địa phương từ đó đã gây khó khăn trong công tác quản lý. Nhìn chung, qua công tác quản lý đa phần người di cư về cư trú

tại địa phương đều chấp hành tốt chủ chương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và chấp hành tốt những quy định của địa phương.

2. Kết quả triển khai thực hiện

2.1. Công tác phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện Quyết định số 402/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

- Quán triệt Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 20/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 24/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về triển khai Thỏa thuận toàn cầu về Di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc (*sau đây gọi tắt là Thỏa thuận GCM*) trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự đã tổ chức triển khai Kế hoạch đảm bảo phù hợp với chính sách, pháp luật và các quy định. Qua đó, đã nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản lý di cư quốc tế.

- Tuyên truyền, vận động, phổ biến, nâng cao nhận thức về Thỏa thuận GCM và các vấn đề di cư quốc tế (du cư hợp pháp, an toàn; di cư trái phép; mua bán người,...) hướng tới các đối tượng là cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan thực thi pháp luật, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, cơ quan tổ chức có liên quan, doanh nghiệp và Nhân dân trên địa bàn huyện với nội dung, hình thức đa dạng. Thường xuyên đổi mới phương thức tuyên truyền cũng như lồng ghép tuyên truyền tại các buổi giải quyết thủ tục hành chính, các buổi tiếp dân tại địa bàn cơ sở, được **152 lượt**, có **3.942 lượt** người dự; tuyên truyền loa trên các phương tiện thủy bến khách ngang sông, các chợ và tiếng loa an ninh vào các buổi sáng, trưa, chiều với 28 bộ loa trên địa bàn huyện được **22.680 lượt**. Qua công tác tuyên truyền cho người di cư tự do từ Campuchia về Việt Nam chấp hành nghiêm chỉnh chủ chương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, những quy định của địa phương và hướng dẫn cá biệt cho **59 người** dân di cư tự do từ Campuchia về Việt Nam.

2.2. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện

- Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự đã tổ chức triển khai Kế hoạch đảm bảo phù hợp với chính sách, pháp luật và các quy định¹; đồng thời, lồng ghép các nội dung Kế hoạch vào các chương trình, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương nhằm đề ra các giải pháp giảm thiểu các nhân tố dẫn đến tình trạng di cư trái phép và hoạt động mua bán người trên địa bàn huyện. Thường xuyên kiện toàn, tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo 138 Huyện về việc thực hiện Dự án “Đấu tranh phòng chống tội phạm xâm hại trẻ em, người chưa thành niên vi phạm pháp luật và phòng chống bạo lực gia đình, mua bán người”.

- Ngoài ra, Ủy ban nhân dân Huyện thường xuyên rà soát, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến di cư tự do, nhất là các thỏa thuận giữa các huyện,

¹ Ủy ban nhân dân Huyện chỉ đạo Văn phòng HĐND và UBND Huyện ban hành Công văn số 2669/VP-HC ngày 27/7/2020 về việc thực hiện Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 24/7/2020 của Ủy ban nhân dân Tỉnh;

thành phố giáp biên Đồng Tháp – PreyVeng, đề kiến nghị các cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới nhằm đảm bảo phù hợp với thực tiễn, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc nảy sinh trong quá trình triển khai thỏa thuận GCM.

2.3. Công tác triển khai Chỉ thị 1737/CT-TTg

- Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự đã tổ chức triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 1737/CT-TTg ngày 20/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ cho tất cả cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện nắm, thực hiện nghiêm. Qua đó, từng cán bộ, công chức, viên chức nhận thức rõ được ý nghĩa, tầm quan trọng trong công tác phối hợp quản lý đối với công dân Việt Nam di cư ra nước ngoài.

- Ủy ban nhân dân Huyện đã đẩy mạnh chỉ đạo cấp ủy, chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan như: Quy định trong lĩnh vực di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài; quy định về việc xuất cảnh của công dân Việt Nam; các quy định cũng như phong tục tập quán của nước mà công dân Việt Nam di cư đến để công dân có đầy đủ thông tin về nơi đến cũng như về quyền và nghĩa vụ của công dân trong hoạt động di cư ra nước ngoài.

- Thường xuyên rà soát, lập danh sách các trường hợp công dân Việt Nam tại địa phương ra nước ngoài lao động, học tập, kết hôn,... để chủ động xây dựng các kế hoạch và triển khai thực hiện công tác phòng ngừa, đấu tranh với hoạt động di cư bất hợp pháp, cũng như hoạt động mua bán người xuyên quốc gia.

II. ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét, đánh giá

a) Thuận lợi

- Được quan tâm chỉ đạo sâu sát, chặt chẽ của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc triển khai thực hiện Thỏa thuận GCM và Chỉ thị 1737/CT-TTg, từ đó đã tạo môi trường di cư ổn định, cơ chế bảo vệ quyền và nghĩa vụ hợp pháp của công dân Việt Nam về các vấn đề di cư, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương nói riêng và tỉnh Đồng Tháp nói chung.

- Các cấp ủy, chính quyền địa phương và các cơ quan, ban, ngành có liên quan tăng cường công tác quản lý nhà nước, phối hợp thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ trọng tâm trong thực hiện Thỏa thuận GCM, góp phần đảm bảo thực hiện các thảo thuận, hiệp ước Quốc tế có liên quan, đặc biệt là Campuchia.

b) Khó khăn, vướng mắc

- Một số cán bộ, công chức, viên chức của các ngành huyện và chính quyền địa phương còn lơ là, chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của Thỏa thuận GCM, chưa chủ động nâng cao năng lực, trình độ để thực hiện có hiệu quả Thỏa thuận GCM trên địa bàn huyện.

- Cơ chế phối hợp, chia sẻ trách nhiệm và công tác trao đổi thông tin giữa các cơ quan chức năng với Ủy ban nhân dân cấp huyện phục vụ công tác bảo hộ chưa chặt chẽ và kịp thời.

2. Kiến nghị

Xuất phát từ những tình hình thực tế nêu trên và để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Thỏa thuận GCM, Ủy ban nhân dân Huyện kiến nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh một số nội dung cụ thể như sau:

- Hỗ trợ tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện đối với vấn đề thực hiện Thỏa thuận GCM và Chỉ thị số 1737/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Tăng cường cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa các Sở, ngành Tỉnh với chính quyền địa phương liên quan vấn đề Di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài chặt chẽ, kịp thời thực hiện các biện pháp quản lý, tránh tình trạng hoạt động mua bán người.

Xin báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh./.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh;
- CT, các PCT/UBND Huyện;
- Công an Huyện;
- Lưu: VT, dtnM.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Khôi

PHỤ LỤC
THỐNG KÊ SỐ LIỆU DI CƯ QUỐC TẾ

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /11/2020 của UBND huyện Hồng Ngự)

A	Số liệu thống kê di cư quốc tế của công dân Việt Nam	Tổng số	Trong đó:		
			Nữ	Dân tộc Kinh	Dân tộc khác
I	Số liệu công dân Việt Nam di cư hợp pháp				
1	Lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng*				
	Chia theo trình độ chuyên môn				
	<i>Phổ thông (không qua đào tạo nghề)</i>				
	<i>Qua đào tạo nghề</i>	68	35	68	
	<i>Cao đẳng, Đại học trở lên</i>				
	Chia theo quốc gia				
	<i>Nhật Bản</i>	63	33		
	<i>Đài Loan</i>	02	02		
	<i>Ba Lan</i>	03			
	Chia theo nhóm tuổi (15-19 tuổi; 20-24 tuổi... 55-59 tuổi; 60-64 tuổi; 65+ tuổi)				
	<i>15-19 tuổi</i>	11	09		
	<i>20-24 tuổi</i>	42	23		
	<i>25-29 tuổi</i>	11	04		
	<i>30-34 tuổi</i>	04	01		
	Chia theo lĩnh vực ngành, nghề				
	<i>Công nghiệp – Xây dựng</i>	62	34		
	<i>Dịch vụ</i>	04	04		
	<i>Nông nghiệp</i>	02			
	Chia theo mức lương (dưới 500 USD/tháng; 500-1.000 USD/tháng; trên 1.000 USD/tháng)				
	<i>Dưới 500 USD/tháng</i>				
	<i>500-1.000 USD/tháng</i>				
	<i>Trên 1.000 USD/tháng</i>	68			
	Chia theo thời gian làm việc theo hợp đồng (dưới 1 năm; 1-3 năm; 3-5 năm, trên 5 năm)				
	<i>Dưới 1 năm</i>				
	<i>1-3 năm</i>	68			
	<i>3-5 năm</i>				
	<i>Trên 5 năm</i>				
2	Lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hình thức khác	00			
	<i>Lao động tự do</i>				
	<i>Lao động theo các hình thức khác</i>				
	Lưu ý: Tiêu chí thống kê như mục I.1				
3	Lưu học sinh học bổng**	00			
	Chia theo quốc gia				
	Chia theo trình độ đào tạo				
	<i>Tiến sĩ</i>				
	<i>Thạc sĩ</i>				
	<i>Đại học</i>				
	<i>Cao đẳng</i>				
	<i>Trung học phổ thông</i>				
	<i>Trung học cơ sở</i>				

	<i>Thực tập sinh</i>				
	<i>Bồi dưỡng</i>				
	<i>Khác</i>				
	Chia theo ngành học				
	Chia theo nhóm tuổi				
4	Lưu học sinh tự túc**	00			
	<i>Lưu ý: Tiêu chí thống kê như mục I.3</i>				
5	Công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài	08	07	08	
	Chia theo Quốc gia				
	<i>Đài Loan</i>	01			
	<i>Hàn Quốc</i>	05			
	<i>Quốc gia khác</i>	02			
	Chia theo nhóm tuổi				
	<i>25-30 tuổi</i>	03	03	03	
	<i>31-35 tuổi</i>	04	04	04	
	<i>36-40 tuổi</i>	01		01	
6	Công dân Việt Nam được cho nhận con nuôi quốc tế	00			
	<i>Chia theo thỏa thuận, hiệp định hợp tác giữa Việt Nam với các nước và vùng lãnh thổ về nuôi con nuôi</i>				
	<i>Chia theo quốc gia</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
7	Số liệu công dân Việt Nam di cư trở về				
7.1	Lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài kết thúc hợp đồng về nước*				
	Chia theo trình độ chuyên môn				
	<i>Phổ thông (không qua đào tạo nghề)</i>				
	<i>Qua đào tạo nghề</i>	71	28	71	
	<i>Cao đẳng, Đại học trở lên</i>				
	Chia theo quốc gia				
	<i>Nhật Bản</i>	57	24		
	<i>Đài Loan</i>	13	03		
	<i>Hàn Quốc</i>	01	01		
	Chia theo nhóm tuổi (15-19 tuổi; 20-24 tuổi... 55-59 tuổi; 60-64 tuổi; 65+ tuổi)				
	<i>20-24 tuổi</i>	20	10		
	<i>25-29 tuổi</i>	33	11		
	<i>30-34 tuổi</i>	13	06		
	<i>35-39 tuổi</i>	05			
	Chia theo lĩnh vực ngành, nghề				
	<i>Công nghiệp – Xây dựng</i>	67	26		
	<i>Dịch vụ</i>	01			
	<i>Nông nghiệp</i>	03	02		
	Chia theo mức lương (dưới 500 USD/tháng; 500-1.000 USD/tháng; trên 1.000 USD/tháng)				
	<i>Dưới 500 USD/tháng</i>				
	<i>500-1.000 USD/tháng</i>				
	<i>Trên 1.000 USD/tháng</i>	71			
	Nguyên nhân trở về nước				
	<i>Hết hợp đồng về nước</i>	71			
7.2	Công dân Việt Nam kết thúc thời gian học tập	00			

	ở nước ngoài về nước				
7.2.1	Lưu học sinh học bổng				
	<i>Chia theo quốc gia</i>				
	<i>Chia theo trình độ đào tạo (thông kê như mục I.3)</i>				
	<i>Chia theo ngành học</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
7.2.3	Lưu học sinh tự túc				
	<i>Chia theo quốc gia</i>				
	<i>Chia theo trình độ đào tạo (thông kê như mục I.3)</i>				
	<i>Chia theo ngành học</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
7.3	<i>Công dân Việt Nam di cư trở về thuộc các nhóm đối tượng khác</i>				
	<i>Chia theo quốc gia</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
8	Số liệu công dân xuất cảnh				
	<i>Xuất cảnh qua đường bộ</i>				
	<i>Xuất cảnh qua đường hàng không</i>				
	<i>Xuất cảnh qua đường biển</i>				
II	Số liệu công dân Việt Nam di cư trái phép và bị mua bán ra nước ngoài				
1	Công dân Việt Nam xuất cảnh trái phép				
	<i>Chia theo hình thức xuất cảnh: qua đường hàng không, đường bộ, đường biển</i>				
	<i>Chia theo phương thức di cư trái phép: sử dụng giấy tờ nhân thân giả mạo, thị thực giả mạo...</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
	<i>Chia theo địa phương nơi công dân thường trú trước khi xuất cảnh</i>				
	<i>Chia theo quốc gia đến</i>				
2	Công dân Việt Nam lao động, cư trú trái phép ở nước ngoài				
	<i>Chia theo quốc gia</i>				
	<i>Hàn Quốc</i>	05	0	5	
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
	<i>20 – 34 tuổi</i>	01			
	<i>35 – 39 tuổi</i>	03			
<i>40 – 44 tuổi</i>	01				
3	Công dân Việt Nam bị mua bán ra nước ngoài*	00			
	<i>Chia theo địa phương nơi công dân thường trú trước khi bị mua bán ra nước ngoài</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
	<i>Chia theo nước bị mua bán ra nước ngoài</i>				
	<i>Chia theo hành vi mua bán người</i>				
4	Số liệu công dân Việt Nam là nạn nhân bị mua bán được hỗ trợ*	00			
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
	<i>Chia theo địa phương nơi công dân thường trú</i>				

	<i>Chia theo các dịch vụ hỗ trợ theo quy định (hỗ trợ thiết yếu ban đầu, hỗ trợ y tế, tư vấn tâm lý, trợ giúp pháp lý, vay vốn sản xuất, trợ cấp khó khăn ban đầu, số tiền được vay)</i>				
	<i>Chia theo trình độ học vấn, nghề nghiệp</i>				
	<i>Chia theo cơ sở hỗ trợ nạn nhân/cơ sở bảo trợ xã hội</i>				
B	Số liệu người nước ngoài di cư vào Việt Nam	Tổng số	Trong đó: Nữ	Ghi chú	
I	Người nước ngoài được cấp phép làm việc tại Việt Nam	00			
	<i>Chia theo quốc tịch</i>				
	<i>Chia theo ngành nghề</i>				
	<i>Chia theo vị trí công việc</i>				
II	Người nước ngoài học tập tại Việt Nam***	00			
1	Lưu học sinh theo hiệp định				
	Chia theo quốc tịch				
	Chia theo trình độ đào tạo				
	<i>Tiến sĩ</i>				
	<i>Thạc sĩ</i>				
	<i>Đại học</i>				
	<i>Cao đẳng</i>				
	<i>Trung cấp</i>				
	<i>Phổ thông</i>				
	<i>Dự bị tiếng Việt</i>				
	<i>Thực tập</i>				
	<i>Khác</i>				
	<i>Chia theo ngành học</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
2	Lưu học sinh ngoài hiệp định				
	<i>Chia theo quốc tịch</i>				
	<i>Chia theo trình độ đào tạo (thống kê như mục II.1)</i>				
	<i>Chia theo ngành học</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
III	Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam ngoài mục đích làm việc, học tập nêu tại mục I và II				
	<i>Chia theo mục đích</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
1	Người nước ngoài di cư trái phép vào Việt Nam				
	Người nước ngoài nhập cảnh trái phép				
	<i>Chia theo quốc tịch</i>				
	<i>Chia theo mục đích</i>				
	<i>Chia theo hình thức nhập cảnh trái phép: qua đường bộ, đường hàng không, đường biển</i>				
2	Người nước ngoài cư trú, lao động trái phép				
	<i>Chia theo quốc tịch</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				